XÁC ĐỊNH NĂM HÌNH THÀNH TỈNH QUẢNG BÌNH CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN

TS. NGUYỄN ĐỨC LÝ
TS. NGUYỄN KHẮC THÁI

Ngày 11 tháng 07 năm 2012, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVI, kỳ họp thứ 5 đã thông qua Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về công nhận năm hình thành tỉnh Quảng Bình là năm 1604.

Bài báo này giới thiệu luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc công nhận năm hình thành tỉnh Quảng Bình.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam, địa bàn Quảng Bình có vị trí rất đặc thù. Những phát hiện của các ngành khoa học trong những thập kỉ gần đây đã chứng minh rằng vùng đất Quảng Bình không những có lịch sử rất lâu đời mà còn là nơi tiềm chứa nhiều giá trị văn hóa vật chất và tinh thần rất độc đáo. Đây là vùng đất có phong trào đấu tranh yêu nước chống ngoại xâm rất kiên cường và anh dũng, đồng thời cũng là nơi thường xuyên diễn ra những cuộc đấu tranh xã hội gay gắt. Đặc biệt, vùng đất Quảng Bình là khu vực có sự đan xen và hỗn dung văn hóa giữa các trung tâm văn hóa lớn của dân tộc như văn hóa Việt Mường - Chămpa, Đông Sơn - Sa Huỳnh, Đàng Trong - Đàng Ngoài, Thăng Long - Phú Xuân… Những yếu tố trên đây đã làm cho Quảng Bình có một sắc diện văn hóa khó có thể lẫn lộn với những nơi khác. Có lẽ cũng vì lý do đó mà lịch sử Quảng Bình trải qua rất nhiều thăng trầm. Mặc dù ở Quảng Bình đã hiện diện những trung tâm văn hóa tiền sử và sơ sử rất sớm, khá nổi tiếng nhưng những biến động xã hội diễn ra thường xuyên trong suốt tiến trình lịch sử đã làm cho dòng chảy lịch sử Quảng Bình không phải lúc nào cũng thuận chiều, thậm chí có lúc gián đoạn. Chính vì lẽ đó, từ sau hơn một thiên niên kỉ khai thiết và tạo dựng, cho mãi đến đầu thiên niên kỉ thứ hai, vùng đất Quảng Bình mới có được cái chính thuận để hội nhập đầy đủ vào tiến trình lịch sử Việt Nam. Gần 1.000 năm sau khi Lý Thường Kiệt đưa mảnh đất này từ biên địa Chămpa hội nhập vào Đại Việt, mảnh đất Quảng Bình lại tiếp tục hứng chịu nhiều tác động ngoại cảnh và những biến động tự thân để rồi lại phân chia, tách nhập.

Lần lượt, từ cuộc chinh phạt phương Nam của Lý Thường Kiệt dưới thời Vua Lý Thánh Tông năm 1069, đã thu 3 châu Bố Chính (Tuyên hóa, Minh Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch), Địa Lý (Đồng Hới, Quảng Ninh, Lệ Thủy), Ma Linh (Vĩnh Linh, Gio Linh) thuộc về Quốc gia Đại Việt; đến năm 1075, (đời vua Lý Nhân Tông) đổi thành châu Bố Chính, Lâm Bình, Minh Linh; đến sự xuất hiện của các tên phủ Lâm Bình (đầu đời Trần), phủ Tân Bình năm 1375 (từ phủ Lâm Bình, đời vua Trần Duệ Tông), sau là lộ Tân Bình, trấn Tân Bình năm 1397 (bao gồm phần đất Quảng Bình ngày nay và một phần phía Bắc tỉnh Quảng Trị, đời vua Trần Thuận Tông), phủ Tây Bình năm 1402 (vào đời nhà Hồ năm Thiệu Thành thứ 2 triều Hồ Hán Thương), phủ Tân Bình năm 1466 (đời vua Lê Thánh Tông), phủ Tiên Bình năm 1600 (đời vua Lê

Kính Tông), phủ Quảng Bình năm 1604 (thời chúa Nguyễn Hoàng), dinh Quảng Bình năm 1631, doanh Quảng Bình năm 1806, trấn Quảng Bình 1827 và tỉnh Quảng Bình năm 1831 (đời vua Minh Mạng) và cuối cùng là tỉnh Quảng Bình dưới thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, cộng đồng cư dân Quảng Bình đã cống hiến mồ hôi và xương máu của mình để dựng xây và bảo vệ quê hương đất nước, vun đắp nên những giá trị truyền thống rất đỗi tự hào hôm nay.

Những thành quả lịch sử rất đáng ghi nhận như vậy không phải chỉ một vài thế hệ mới làm nên được mà nó là sự tích lũy, bồi đắp trong suốt cả một tiến trình lịch sử lâu dài hàng thế kỉ, thậm chí hàng thiên niên kỉ.

Thế nhưng, câu hỏi đặt ra là: trong suốt cả một chuỗi dài của lịch sử ấy, Quảng Bình bắt đầu khai sinh, xác lập vị trí của mình tự bao giờ ?

Xuất phát từ cách tiếp cận vấn đề như vậy, việc lựa chọn xác định thời điểm hình thành tỉnh Quảng Bình có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ cho thế hệ hôm nay mà còn cho cả mai sau.

Đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân, được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và UBND tỉnh, ngày 13 tháng 12 năm 2001, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) đã chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ tổ chức hội thảo khoa học *"Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình"*. Tham dự hội thảo có: đồng chí Thái Bá Nhiệm (nguyên Bí thư Tỉnh ủy); đồng chí Trần Sự (nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh); đồng chí Trần Hòa (nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh); đồng chí Đinh Hữu Cường (nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh); đồng chí Lương Ngọc Bính (nguyên Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ); đồng chí Nguyễn Hữu Hoài (nguyên Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường); TS. Trần Hữu Đính - nguyên Phó Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam; Nhà sử học Dương Trung Quốc - Tổng thư ký Hội khoa học Lịch sử Việt Nam; cùng các nhà khoa học, nhà nghiên cứu thuộc các cơ quan Đảng, chính quyền, trường đại học, viện nghiên cứu, hội khoa học từ Trung ương đến địa phương. Các đồng chí Lương Ngọc Bính, Nguyễn Hữu Hoài và Dương Trung Quốc chủ trì hội thảo.

Mục đích của hội thảo là xác định năm hình thành tỉnh Quảng Bình.

Để đạt được mục đích của hội thảo, vấn đề đặt ra là phải xây dựng những tiêu chí khoa học để mốc hình thành tỉnh Quảng Bình hội tụ đủ tất cả sự nghiệp mà các thế hệ ông cha đã dày công vun đắp trong nhiều thế hệ qua, đồng thời phải phù hợp với tiến trình chung của cả nước.

Tại hội thảo, hệ thống các tiêu chí nhằm "Xác định năm hình thành tỉnh Quảng Bình" do các nhà khoa học, nhà nghiên cứu xây dựng và đề xuất bao gồm những nội dung chính như sau:

- Mối tương quan biện chứng giữa lịch sử hình thành Quảng Bình với tư cách là một bộ phận hữu cơ của Tổ quốc Việt Nam và tỉnh Quảng Bình theo nghĩa là một đơn vị hành chính cấp tỉnh trực thuộc Trung ương, có bộ máy và hệ thống thiết chế hành

chính rõ ràng, thực sự có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đời sống xã hội, để xác định thời điểm thành lập.

- Tính ổn định tương đối về không gian lãnh thổ và địa giới hành chính.

- Có địa danh thiêng liêng, tồn tại sâu thẳm trong tâm thức các thế hệ người Quảng Bình cho tới ngày nay.

- Sự hoàn thiện về hệ thống cộng đồng dân cư và cơ cấu tộc người.

- Sự hình thành và phát triển liên tục các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mà các thế hệ cư dân Quảng Bình đã sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử như là động lực tinh thần để phát huy truyền thống.

- Có sự tương đồng tương đối về bề dày lịch sử văn hóa vùng đất Quảng Bình so với các địa phương khác trong cùng những điều kiện lịch sử tương ứng.

Các nhà khoa học, nhà nghiên cứu thống nhất chia tiến trình lịch sử Quảng Bình thành 6 giai đoạn phát triển:

- Giai đoạn 1: Tương ứng với thời kỳ tiền sử và sơ sử cho đến trước năm 192 công lịch là giai đoạn vùng đất Quảng Bình thuộc quốc gia Văn Lang.

- Giai đoạn 2: Từ năm 192, khi người Chăm chiếm cứ đất Quảng Bình làm vùng biên ải phía Bắc của quốc gia Lâm Ấp (*Tên nước Chămpa chỉ xuất hiện vào khoảng từ thế kỉ VI đến thế kỉ IX, trước đó có tên gọi là Lâm Ấp, Hoàn Vương. Theo thư tịch đầu tiên ghi chép về Lâm Ấp là Ngô Thư, vào khoảng năm 230-231. Tên gọi này chỉ là khu vực liên quan đến huyện Tượng Lâm của quận Nhật Nam rồi mở rộng ra. Tên Hoàn Vương xuất hiện trong thư tịch năm 793, rồi đến năm 885 xuất hiện tên nước Chiêm Thành (hay gọi là Chămpa)* cho đến năm 1069 khi Lý Thường Kiệt sáp nhập vùng đất này về quốc gia Đại Việt.

- Giai đoạn 3: Từ năm 1069 đến năm 1604, khi nhà Lý mở cõi về phương Nam, lấy lại vùng đất 3 châu Bố Chinh, Địa Lý và Ma Linh về Đại Việt vào năm 1069 (năm 1075 đổi tên lại là châu Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh) đến khi chúa Nguyễn Hoàng chính thức thiết lập hệ thống chính quyền cát cứ phía Nam dãy Hoành Sơn, thúc đẩy sự phát triển toàn diện cả về kinh tế, văn hóa của vùng đất phía Nam. Vùng đất này lần đầu tiên có danh xưng phủ Quảng Bình vào năm 1604 và có không gian lãnh thổ, địa giới hành chính tương đương như ngày nay.

- Giai đoạn 4: Từ 1604 đến 1831, sau khi ra đời đơn vị hành chính "phủ Quảng Bình" năm 1604, đến năm Minh Mạng thứ 12 (1831) tiến hành cuộc cải cách hành chính trên quy mô toàn quốc để từ đó vùng đất có danh xưng Quảng Bình được gắn với phiên hiệu hành chính mới là "tỉnh" để thành đơn vị hành chính là "tỉnh Quảng Bình".

- Giai đoạn 5: Từ 1831 đến 1945, là thời kỳ hoàn chỉnh dần cơ cấu hành chính tỉnh Quảng Bình có giới hạn trùng khít với ngày nay.

- Giai đoạn 6: Từ sau năm 1945, mở đầu cho một kỉ nguyên phát triển mới của tỉnh Quảng Bình trong độc lập tự do và xây dựng CNXH.

Trong 6 giai đoạn phát triển lịch sử của tỉnh Quảng Bình thì với tổng số 25 tham luận khoa học, 02 ý kiến, 04 tham luận có bổ sung kiến nghị tại hội thảo về lựa chọn mốc lịch sử để xác định năm hình thành tỉnh đã có sự phân nhóm rất khách quan, khi đưa ra thời điểm đề xuất lựa chọn, trong đó:

- Mốc 1069 (có 02 tham luận đề xuất và 01 tham luận chọn 1831, khi thảo luận đề xuất thêm 1069 để xem xét) là mốc đánh dấu vùng đất này sáp nhập về với quốc gia Đại Việt, là nhân tố quyết định cho toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử cho tới ngày nay.

- Mốc 1075 (có 02 tham luận đề xuất) là mốc cải sửa hành chính đầu tiên có hậu tố "Bình" trong danh xưng "châu Lâm Bình", danh xưng đó đã được ghi vào bản đồ lãnh thổ Đại Việt.

- Mốc 1397 (có 01 tham luận đề xuất) là mốc có danh xưng trấn Tân Bình với sự toàn vẹn tương đối về không gian lãnh thổ và địa giới hành chính.

- Mốc 1604 (có 12 tham luận, 01 ý kiến đề xuất và 03 tham luận chọn 1831, khi thảo luận đề xuất thêm 1604 để xem xét) là mốc đầu tiên xuất hiện danh xưng Quảng Bình với việc chúa Nguyễn Hoàng cho đổi phủ Tiên Bình (Trước đó là: châu Lâm Bình, phủ Tân Bình, trấn Tân Bình, phủ Tây Bình, phủ Tiên Bình) thành phủ Quảng Bình và đó là tên gọi thiêng liêng cho tới ngày nay.

- Mốc 1631 (có 01 tham luận đề xuất) có danh xưng dinh Quảng Bình với hệ thống và giới hạn địa giới hành chính tương ứng.

- Mốc 1831 (có 06 tham luận và 01 ý kiến đề xuất) là mốc đầy đủ danh xưng và được gọi theo phiên hiệu hành chính tỉnh Quảng Bình cho tới ngày nay.

- Không xác định rõ năm (có 01 tham luận).

Luận giải của các báo cáo khoa học trình bày trong hội thảo cũng đã chứng minh rằng: vùng đất Quảng Bình về mặt chính trị là khu vực tranh chấp giữa hai khu vực Bắc - Nam, còn về mặt văn hóa là khu vực đan xen, giao thoa, do vậy có thể nói đây là khu vực có nhiều biến động nhất trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Sự biến động này diễn ra trên cả 3 phương diện: chính trị - chính thể, hành chính và văn hóa. Do đó, xét trên tổng thể thì không có một thời đoạn lịch sử nào có được một nhát cắt đồng đại trong đó hàm chứa đầy đủ cả các tiêu chí nói trên. Mặt khác, trong bối cảnh có nhiều biến động như vậy, đương nhiên có nhiều mốc lịch sử xuất hiện trong nhiều giai đoạn khác nhau cũng có ý nghĩa tương đồng nhau. Nói cách khác, trong trường hợp các mốc lịch sử có nhiều tiêu chí tương đồng nhau thì mốc lịch sử nào xưa nhất là mốc có khả năng hàm chứa nhiều giá trị nhất.

Soi chiếu vào tiến trình lịch sử Việt Nam nói chung và đặc điểm phát triển của Quảng Bình nói riêng thì việc xác định chọn mốc thành lập của tỉnh thật có ý nghĩa trọng đại cho cả quân và dân tỉnh Quảng Bình chúng ta.

Chúng ta không thể phủ nhận giá trị những dấu tích văn hóa tiền, sơ sử đã phát hiện trên vùng đất Quảng Bình và cũng không thể không thừa nhận những giá trị to lớn của văn hóa Chămpa, cũng không thể không đề cao những giá trị văn hóa mà các

tộc người và các cộng đồng dân cư khác đã đóng góp cho Quảng Bình trong quá trình giao thoa văn hóa theo dòng chảy lịch sử. Nhưng xét từ thời điểm trước năm 1069, những giá trị văn hóa nói trên còn rất tản mạn. Chỉ từ sau 1069, hình hài của vùng đất Quảng Bình mới bắt đầu được tạo dựng và vun đắp. Với những lý giải trên, trọng tâm để xem xét lựa chọn thời điểm khai sinh cho tỉnh Quảng Bình trong giới hạn từ năm 1069 cho đến 1831 mà thôi.

Với cách đánh giá như vậy, các báo cáo tham luận và phát biểu tại hội thảo đã đề xuất chọn các mốc lịch sử để kỷ niệm thời điểm ra đời tỉnh Quảng Bình như sau:

Nhóm quan điểm đề xuất lựa chọn mốc 1069 hoặc 1075:

Nhóm quan điểm này đề xuất, lựa chọn chủ yếu theo tiêu chí khởi tạo ban đầu vùng đất này từ thời nhà Lý với một trong hai thời điểm 1069 và 1075.

Đây là mốc đánh dấu sự kiện vùng lãnh thổ Quảng Bình từ chổ là biên địa phía Bắc vương quốc Chămpa (Chiêm Thành) trở lại thành vùng đất Đại Việt với sự kiện lịch sử:

Ngày 24/2/1069, Lý Thánh Tông hạ chiếu thân chinh, Lý Thường Kiệt làm đại tướng quân tiến đánh Chiêm Thành. Theo "Việt sử lược" cho biết: "Lúc thuyền của quân nhà Lý tới Nhật Lệ, thuỷ quân Chiêm Thành ra chặn đánh. Lý Thánh Tông sai Hoàng Kiện tiến đánh. Quân Chiêm thua. Quân Đại Việt không đổ bộ vào Nhật Lệ mà cho thuyền thẳng xuống phương Nam đánh vào kinh đô Chà Bàn của nước Chiêm Thành. Vua Chiêm Thành là Rudravarman III (Chế Củ) bị bắt. Để được tha, vua Chiêm phải dâng 3 châu Bố Chinh, Địa Lý, Ma Linh nhường cho nhà Lý. Từ đó ba châu này thuộc về lãnh thổ Đại Việt. Để thực hiện việc quản lý vùng đất này, vua Lý chiêu mộ người Việt phía Bắc Hoành Sơn đến cư trú lập nghiệp".

Theo "Đại Việt Sử ký toàn thư": Tháng 8 Ất Mão (1075), quân Chiêm Thành lại quấy rối biên giới, vua Lý sai Lý Thường Kiệt đem quân đi đánh dẹp và vẽ bản đồ 3 châu Bố Chinh, Địa Lý, Ma Linh và đổi tên Bố Chinh thành Bố Chính, Địa Lý thành Lâm Bình, Ma Linh thành Minh Linh vào bản đồ Đại Việt và chiêu mộ dân đến ở 3 châu ấy.

Có thể nói, qua các sự kiện lịch sử trên, địa danh mới Lâm Bình năm 1075, trong đó có chữ "Bình" xuất hiện lần đầu tiên trong lịch sử của vùng đất này. Mặc dù sau đó địa danh Lâm Bình còn được các triều đại kế tiếp thay đổi thành phủ Tân Bình năm 1375, trấn Tân Bình năm 1397, phủ Tây Bình năm 1402, phủ Tân Bình 1466, phủ Tiên Bình năm 1600, phủ Quảng Bình năm 1604, dinh Quảng Bình năm 1631, Quảng Bình doanh năm 1806, trấn Quảng Bình năm 1827 và tỉnh Quảng Bình năm 1831… nhưng chữ Bình vẫn là mẫu số chung của tất cả các danh xưng diễn ra trong tiến trình lịch sử. Trong trường hợp này, Bình là thành phần chính, là yếu tố cốt lõi của một địa danh lịch sử ngay từ đầu (vào năm 1075).

Qua những chứng cứ sự kiện lịch sử và đối chiếu với các tiêu chí xác định năm hình thành tỉnh thì mốc 1069 và 1075 thỏa mãn những tiêu chí sau đây:

- Là mốc khởi tạo vùng đất thuộc về Quốc gia Đại Việt, chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc và Nam thuộc, mở đầu thời kỳ có chủ quyền và đấu tranh để bảo vệ chủ quyền trong thành phần quốc gia Đại Việt.

- Là mốc khởi đầu, từ đó thực thi chính sách di dân lập ấp, khai phá ruộng đất và mở mang kinh tế của các triều đại phong kiến Việt Nam như Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc… bắt đầu có hiệu quả kinh tế, xã hội ở phía Nam. Hệ quả của chính sách này là sự hình thành dần dần những cơ sở ban đầu của hệ thống các làng xã sau này.

- Là mốc khởi đầu cho sự hình thành những tập quán văn hóa, mở đầu cho quá trình bồi đắp dần những giá trị vật chất và tinh thần để hình thành sắc thái văn hóa cho vùng đất sau này.

- Từ mốc lịch sử này, lịch sử Quảng Bình xét trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội chưa phải có tính liên tục nhưng đã có những thiên hướng mới và khác với sự phát triển tản mạn trước đó.

Tuy nhiên, các mốc lịch sử này (1069 và 1075) vẫn có những mặt chưa thỏa mãn với các tiêu chí đã đề xuất, cụ thể:

- Năm 1069 Lý Thường Kiệt chỉ mới làm được công việc đánh bại quân Chămpa, sát nhập vùng đất Quảng Bình vào Đại Việt chứ chưa có đủ điều kiện để tập trung giải quyết những vấn đề nội trị, hệ thống bộ máy và thiết chế hành chính. Nếu chọn năm 1069 làm mốc khởi tạo ban đầu vùng đất Quảng Bình thuộc về Quốc gia Đại Việt thì hoàn toàn chính xác, nhưng là năm hình thành tỉnh Quảng Bình thuộc về Quốc gia Đại Việt thì chưa thoả mãn.

- Mặc dù thời điểm 1075 có một số tiêu chí nổi trội hơn so với mốc 1069 là: có xuất hiện từ tố "Bình" tồn tại đến ngày nay (châu Địa Lý được đổi tên thành châu Lâm Bình); Lý Thường Kiệt vẽ bản đồ 3 châu bổ sung vào bản đồ Đại Việt và chiêu mộ dân cư đến ở, nhưng cả 2 mốc này vẫn chưa có sự ổn định về chính trị, chiến tranh, tranh chấp gián đoạn, không ổn định về chủ quyền.

(Năm 1074, vua Chiêm Thành xâm lấn cướp lại 3 châu; năm 1075, Lý Thường Kiệt xuất chinh đánh Chiêm Thành nhưng không thắng và chiêu mộ dân cư đến ở; năm 1103, quân Chiêm Thành lại đánh chiếm lấy lại 3 châu; năm 1104, Lý Thường Kiệt lại xuất binh đánh bại quân Chiêm Thành thu hồi lại 3 châu...).

- Hệ thống bộ máy và thiết chế hành chính chưa được thiết lập rõ ràng, chỉ chiêu mộ dân cư đến ở, chưa đặt quan cai trị.

Các sử thần của Quốc sử quán triều Nguyễn dưới thời Tự Đức đã có "lời phê" như sau: "Thì ra, bấy giờ Chiêm Thành tuy đã dâng đất ba châu, nhưng triều Lý chưa đặt quan cai trị hay sao?"

Khác với các tỉnh, thành phố khác như Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Khánh Hoà, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh... Các tỉnh, thành phố này, sau khi xác lập cương thổ, thành lập châu, phủ, dinh... xong, liền lập quan cai trị ngay.

Như vậy về hình thức thì mốc 1069 tương tự mốc khởi tạo vùng đất như Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Khánh Hoà, Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh, nhưng khác là chưa

đặt quan cai trị và tiếp theo sau vẫn là vùng chiến tranh, tranh chấp gián đoạn, không ổn định về chủ quyền.

- Tại thời điểm lựa chọn chưa có một danh xưng phổ biến "Quảng Bình" là tên gọi thiêng liêng cho tới ngày nay.

Nhóm quan điểm đề xuất lựa chọn mốc 1604:

Nhóm quan điểm này đề xuất lựa chọn trên cơ sở các tiêu chí cơ bản như: Có danh xưng "Quảng Bình", là đơn vị hành chính cấp tỉnh trực thuộc Trung ương của Quốc gia Đại Việt, là chủ thể có bộ máy, thiết chế và quyền năng hành chính được xác định rõ ràng, có sự ổn định cộng đồng dân cư trên địa bàn và tương đồng bề dày lịch sử văn hóa với các địa phương khác trong cả nước.

Năm 1558, nghe lời khuyên của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Hoàng xin vua Lê vào trấn thủ vùng đất Thuận Hóa vì cho rằng đây là nơi "vạn đại dung thân". Năm 1604, sau khi thiết lập chính quyền cát cứ phía Nam, chúa Nguyễn Hoàng thống nhất lại các đơn vị hành chính thuộc quyền và chính thức đặt tên mới cho vùng đất phủ Tân Bình cũ là phủ Quảng Bình (Chúa Nguyễn Hoàng muốn dùng chữ Quảng Bình để tỏ lòng ước vọng một nền "Thái bình rộng lớn"; Quảng là nghĩa rộng, Bình là nghĩa thái bình, yên ổn); trực thuộc dưới phủ có huyện và châu.

Soi chiếu vào tiến trình phát triển của lịch sử Quảng Bình thì mốc lịch sử này đáp ứng những tiêu chí sau đây:

- Danh xưng "Quảng Bình" thiêng liêng, tồn tại sâu thẳm trong tâm thức các thế hệ người Quảng Bình cho tới ngày nay bắt đầu hình thành từ năm 1604 khi chúa Nguyễn Hoàng đổi tên phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình.

- Phủ Quảng Bình (năm 1604) là đơn vị hành chính cấp tỉnh trực thuộc Trung ương của Quốc gia Đại Việt, là chủ thể có bộ máy, thiết chế và quyền năng hành chính được xác định rõ ràng.

Hệ thống thiết chế hành chính và bộ máy chính quyền cấp tỉnh thực sự có vai trò quan trọng trong quá trình quản lý và phát triển đời sống xã hội.

Là mốc đã có sự ổn định về hệ thống hành chính: cùng với sự phát triển về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, sự lớn mạnh về hệ thống tổ chức chính quyền, hình thành các thiết chế xã hội thì về mặt địa giới, đơn vị hành chính mà phủ Quảng Bình thành lập năm 1604 đến thời Minh Mạng thứ 12 (1831) và tỉnh Quảng Bình ngày nay ít có sự thay đổi.

- Là mốc đã hình thành tương đối hoàn thiện về cơ cấu tộc người và hệ thống tổ chức cộng đồng dân cư, ổn định các hình thái văn hóa cộng đồng, trong đó nổi bật là văn hóa làng xã và các phong tục, tập quán, tôn giáo, tính ngưỡng cộng đồng. Ngay từ đầu thế kỉ XV, cộng đồng dân cư ở vùng đất Quảng Bình cơ bản đã được ổn định.

Các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mà các thế hệ cư dân Quảng Bình đã sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử như là động lực tinh thần để phát huy truyền thống.

- Là mốc có sự tương đồng bề dày lịch sử văn hóa với các địa phương khác trong cùng điều kiện lịch sử và tương thích với các địa phương khác trong cả nước.

- Các yếu tố khác có ý nghĩa bổ sung giá trị lựa chọn:

Là mốc khởi nguyên cho việc thiết lập một cách toàn diện vùng đất phía Nam, trong đó có Quảng Bình.

Từ sau 1604, về cơ bản tiến trình lịch sử trên tất cả các phương diện đều diễn ra liên tục và thống nhất. Tiến trình lịch sử chuyển giao và thay đổi từ các chúa Nguyễn đến nhà Tây Sơn, qua dòng họ Nguyễn là một quá trình chuyển giao hợp quy luật. Tiến trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa vực phía Nam đất nước khi Chúa Nguyễn Hoàng vào gây dựng cơ nghiệp là một tiến trình phát triển liên tục trong một truyền thống đã định hình.

Tỉnh danh xưng "Quảng Bình" còn có ý nghĩa lịch sử rất quan trọng. "Quảng Bình" với ý nghĩa "Thái bình rộng lớn" như là một sự định danh của chúa Nguyễn Hoàng nhằm cụ thể hoá sấm truyền của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân" (Một dãi Hoành Sơn, dung thân suốt đời).

Tuy vậy, mốc lịch sử này chưa có tên gọi phiên hiệu trùng với tên gọi phiên hiệu hành chính đang dùng ngày nay là "tỉnh". Điều này không phải là vấn đề quan trọng, bởi lẽ nó chỉ là phiên hiệu hành chính (châu, phủ, trấn, thừa tuyên, dinh, doanh, tỉnh...).

Với những luận giải trên, đặc biệt đã có 12 tham luận, 01 ý kiến đề xuất và 03 tham luận chọn 1831, khi thảo luận đề xuất thêm 1604 để xem xét (chiếm số lượng lớn nhất tại hội thảo) đã đề xuất chọn mốc 1604 là năm thành lập tỉnh Quảng Bình.

Nhóm quan điểm đề xuất lựa chọn mốc 1831:

Nhóm quan điểm này đề xuất lựa chọn trên tiêu chí chỉnh thể của cả tên riêng "Quảng Bình" và cả phiên hiệu hành chính "tỉnh" (tỉnh Quảng Bình).

Trước khi đưa ra quan điểm về lựa chọn mốc 1831, cũng cần tìm hiểu một vài sự kiện diễn ra trong giai đoạn từ sau 1604 đến mốc lịch sử này.

Năm 1633, Hy Tông Hiếu Văn hoàng đế sai tướng Nguyễn Đình Hùng đem quân đánh chiếm Nam Bố Chính, thống nhất vùng đất phía Nam Quảng Bình ngày nay dưới tên gọi dinh Quảng Bình. Vào năm Tân Dậu 1681, thế tổ Cao hoàng đế Thái Tông Nguyễn Phúc Tần lấy lại Bắc Bố Chính và thống nhất toàn bộ lãnh thổ địa vực Quảng Bình ngày nay dưới danh xưng dinh Quảng Bình. Đây là mốc có sự thống nhất tương đối toàn vẹn địa vực Quảng Bình ngày nay. Năm 1802, sau khi đánh bại triều Tây Sơn, làm chủ toàn bộ lãnh thổ Đàng Trong và Đàng Ngoài, Nguyễn Ánh đặt niên hiệu là Gia Long, lập ra nhà Nguyễn. Năm 1806, Gia Long tổ chức lại các đơn vị hành chính trong cả nước, đặt Quảng Bình dưới tên hiệu hành chính mới là Quảng Bình doanh. Năm 1827, Minh Mạng đổi làm trấn Quảng Bình. Từ tháng 10 năm Minh Mạng thứ 12 (1831), từ Quảng Trị trở ra Bắc được cải tổ thành 18 tỉnh độc lập với nhau và Quảng Bình được gọi theo phiên hiệu hành chính mới là "tỉnh" từ đó.

Cho đến nay, tư liệu ghi chép về thời điểm thành lập tỉnh Quảng Bình chủ yếu do Quốc sử quán triều Nguyễn để lại, còn nhiều hạn chế. Tư liệu được xem là quan trọng bậc nhất, độ chuẩn xác cao nhất và đáng tin cậy nhất là bộ sách biên niên "Đại Nam

thực lục". Theo "Đại Nam thực lục": vào tháng 10 năm Tân Mão, Minh Mạng năm thứ 12 (1831), triều đình Huế triển khai việc thành lập 18 tỉnh từ Quảng Trị trở ra biên giới phía Bắc Việt Nam, trong đó bao gồm tỉnh Quảng Bình. Đại Nam thực lục đã ghi lại mệnh lệnh của vua Minh Mạng về việc chia tỉnh đặt quan, việc bàn bạc thảo luận của các quan lại được giao nhiệm vụ lập tỉnh, những nội dung và danh sách các tỉnh được lập (kèm theo tên các phủ, huyện thuộc tỉnh), cùng sự phê chuẩn của vua Minh Mạng chuẩn y nội dung bàn bạc của các đại thần về việc thành lập tỉnh.

Trong mối tương quan như vậy, mốc 1831 đáp ứng được các tiêu chí nhất định sau:

- Yếu tố nổi trội của mốc lịch sử này là có tỉnh danh xưng trọn vẹn cả về tên riêng "Quảng Bình" lẫn tên gọi phiên hiệu hành chính là "tỉnh", trùng với danh xưng và cách đặt phiên hiệu hành chính hiện nay là "tỉnh Quảng Bình".

- Không gian lãnh thổ và địa giới hành chính của tỉnh Quảng Bình vào thời điểm này trùng với giới hạn hành chính của tỉnh Quảng Bình ngày nay. Trong quá trình phát triển của mình, không gian lãnh thổ và địa giới hành chính của vùng đất Quảng Bình có nhiều xáo trộn do những biến động liên tục và phức tạp của lịch sử, tập trung chủ yếu ở ranh giới phía Nam và phía Bắc của tỉnh.

Dưới thời vương quốc Chămpa, đất Quảng Bình ngày nay là 2 châu Bố Chinh và Địa Lý. Khi chuyển chủ quyền vùng đất vào Đại Việt (1069) và đến năm 1075, nhà Lý đã đổi tên thành Bố Chính và Lâm Bình. Kể từ thời Trần cho đến đầu thế kỉ XVII, khi châu Lâm Bình trở thành đơn vị hành chính cấp phủ (hoặc lộ hay trấn) và lần lượt đổi tên thành Tân Bình, Tây Bình, Tiên Bình, Quảng Bình thì vùng đất này vẫn bao gồm châu Ma Linh thời Chămpa và châu Minh Linh thời Đại Việt trở về sau, đến thời nhà Nguyễn trở thành hai huyện Vĩnh Linh, Gio Linh thuộc Quảng Trị. Như vậy, ranh giới Quảng Bình trong các thế kỉ này kéo từ Hoành Sơn vào giáp với phủ Triệu Phong (tức gồm lãnh thổ tỉnh Quảng Bình hiện tại cộng thêm huyện Vĩnh Linh và Gio Linh thuộc tỉnh Quảng Trị).

Trong cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn, kể từ năm 1630, sông Gianh trở thành nơi phân chia chủ quyền giữa hai tập đoàn phong kiến thống trị đất nước, nên cương vực phủ Quảng Bình chỉ còn từ bờ Nam sông Gianh đến giáp phủ Triệu Phong. Ranh giới phía Bắc nới rộng đến dãy Hoành Sơn như trước khi Tây Sơn đập tan chính quyền của cả họ Trịnh và Nguyễn tiến tới thống nhất đất nước, nhưng chỉ đến năm 1802 vương triều Nguyễn được thiết lập và trên cơ sở đất nước được thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Những thay đổi đầu tiên của triều Nguyễn về mặt hành chính đó là tách huyện Minh Linh về dinh Quảng Trị. Vùng đất Quảng Bình chỉ còn từ Hoành Sơn phía Bắc đến huyện Lệ Thuỷ ở phía Nam. Đến năm 1831, khi tỉnh Quảng Bình được thành lập thì sự thay đổi đó mới mang tính ổn định cho đến ngày nay.

Tuy nhiên, mốc lịch sử 1831 còn một số hạn chế:

- Không phải là mốc khởi nguyên của quá trình hình thành và phát triển của Quảng Bình, nghĩa là không phù hợp với thời điểm khai thiết tạo dựng nên vùng đất và hình thành cộng đồng dân cư Quảng Bình.

- Không phổ quát quá trình hình thành, phát triển như các yếu tố hình thành nên cộng đồng dân cư, hình thái kinh tế, các giá trị tinh thần truyền thống và tiến trình phát triển lịch sử cộng đồng, trong đó có tiến trình hình thành và ổn định hệ thống làng xã.

- Không khẳng định được sự ra đời địa danh "Quảng Bình" là danh xưng thiêng liêng đã ăn sâu vào tâm khảm của bao thế hệ cư dân Quảng Bình từ lâu.

- So với các địa phương khác thì mốc này hơi muộn (Nghệ An 980 năm, Thừa Thiên Huế 700 năm...). Tuy nhiên, Nghệ An và Thừa Thiên Huế chọn theo tiêu chí khác.

Với những so sánh và đối chiếu với các tiêu chí đề ra, có thể nhận thấy rằng mốc 1831 không thỏa mãn đầy đủ các điều kiện để lựa chọn mốc thành lập tỉnh Quảng Bình bởi lẽ nó chỉ thỏa mãn rất ít các tiêu chí. Tuy mốc lịch sử này mang đầy đủ danh xưng "tỉnh Quảng Bình" nhưng chỉ là tên gọi thuần túy có ý nghĩa như một công việc cải sửa phiên hiệu hành chính chứ không đánh dấu một giai đoạn hay một bước phát triển xã hội.

Nếu chọn mốc này, lịch sử Quảng Bình sẽ mất đi mấy trăm năm danh xưng "Quảng Bình", hàng trăm năm hình thành những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần, mất đi phần cội nguồn của việc khai phá, mở mang vùng đất phía Nam của quốc gia, mất đi tính hệ thống của tiến trình lịch sử. Đặc biệt trong hệ thống làng xã, nơi tồn chứa các giá trị truyền thống của cộng đồng sẽ không được coi như một yếu tố chỉnh thể cấu thành cộng đồng.

Đề xuất chọn mốc hình thành tỉnh Quảng Bình

Qua phân tích ở phần luận giải nêu trên, phần lớn các nhà khoa học, nhà nghiên cứu và toàn thể hội thảo nhất trí cao với mốc **1604.**

Mốc **1604** đáp ứng các tiêu chí cơ bản sau:

- Danh xưng "Quảng Bình" thiêng liêng, tồn tại sâu thẳm trong tâm thức các thế hệ người Quảng Bình cho tới ngày nay bắt đầu hình thành từ năm 1604 khi chúa Nguyễn Hoàng đổi tên phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình.

Về danh xưng, không thể không trân trọng, các tỉnh như Hưng Yên, Hà Tĩnh cũng đã hình thành từ lâu, nhưng họ chỉ chọn thời điểm xuất hiện danh xưng thiêng liêng, gắn với vùng đất của họ vào năm 1831.

Tỉnh Nghệ An có từ thời nhà Đinh đến Tiền Lê, thế kỉ thứ X, với tên gọi Hoan Châu, nhưng đã tổ chức "Lễ kỷ niệm 980 năm danh xưng Nghệ An" vào năm 2010. Tiêu chí lựa chọn chủ yếu là danh xưng Nghệ An [Khi nhà Lý đổi vùng Hoan Châu (tức Nghệ An và Hà Tĩnh) làm châu Nghệ An vào năm 1030, trong lúc Diễn Châu vẫn đứng làm một châu riêng]…

- Phủ Quảng Bình (năm 1604) là đơn vị hành chính cấp tỉnh trực thuộc Trung ương của Quốc gia Đại Việt, là chủ thể có bộ máy, thiết chế và quyền năng hành chính được xác định rõ ràng.

- Là mốc có sự tương đồng bề dày lịch sử, văn hóa với các địa phương khác.

Mốc lịch sử **1604** này tương đồng với cách lựa chọn của nhiều địa phương trong cả nước có đặc điểm và tiến trình phát triển tương đương. Nghệ An ở phía Bắc đã chọn "980 năm danh xưng Nghệ An" vào năm 2010, Thừa Thiên Huế kỷ niệm "700 năm Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế" vào năm 2006, "Phú Yên 400 năm hình thành và phát triển" (năm 2011), "Khánh Hoà 350 năm" (năm 2003), Đồng Nai kỷ niệm "300 Biên Hoà - Đồng Nai hình thành và phát triển" (năm 1998), Thành phố Hồ Chí Minh kỷ niệm "300 năm Sài Gòn" (năm 1998)... Như vậy, có thể thấy chu trình mở cõi về phương Nam đi dần từ 1000 năm Thăng Long, 980 năm danh xưng Nghệ An, 410 năm Quảng Bình (nếu kỷ niệm vào năm 2014), 400 năm Phú Yên, 350 năm Khánh Hoà, 300 năm Biên Hoà - Đồng Nai và Sài Gòn 300 năm... là phù hợp với diễn trình lịch sử dân tộc.

Việc chọn mốc 1604 hoàn toàn không trái với một số tỉnh chọn mốc 1831 như: Hà Tĩnh, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hưng Yên..., hoặc có tỉnh chọn mốc sớm hơn như Nghệ An (1030) và Thừa Thiên Huế chọn mốc 1306.

Hà Tĩnh chọn mốc 1831, bởi lẽ đến thời điểm đó Hà Tĩnh mới tách ra từ Nghệ An và mới ra đời danh xưng Hà Tĩnh.

Lộ Tuyên Quang đã có từ thế kỉ XIII, sau đó là trấn Tuyên Quang (1397), Thừa tuyên Tuyên Quang (1469)... Danh xưng Tuyên Quang ra đời rất sớm, tuy nhiên xét về tiêu chí tính toàn vẹn và tính ổn định tương đối về lãnh thổ và địa giới hành chính thì chưa có sự thống nhất bởi vì Tuyên Quang lúc bấy giờ bao gồm cả tỉnh Hà Giang, một phần của tỉnh Yên Bái và một phần tỉnh Cao Bằng ngày nay…

Lạng Sơn vào thế kỉ XIII có tên là lộ Lạng Giang, đến năm 1397 đổi thành trấn Lạng Sơn, năm 1466 đặt làm thừa tuyên Lạng Sơn... Cũng như tỉnh Tuyên Quang, danh xưng Lạng Sơn cũng ra đời rất sớm) nhưng do chưa có sự thống nhất toàn vẹn về lãnh thổ, địa giới hành chính như từ năm 1831 đến nay.

Danh xưng Hưng Yên mới bắt đầu xuất hiện vào năm 1831, đồng thời trước năm 1831, lãnh thổ, địa giới Hưng Yên chưa có sự thống nhất toàn vẹn tương đối như từ năm 1831 đến nay.

Gần với Quảng Bình có 02 tỉnh chọn mốc sớm hơn nhiều là do chọn theo tiêu chí khác.

Tỉnh Nghệ An chọn mốc 1030, khi nhà Lý đổi vùng Hoan Châu (tức Nghệ An và Hà Tĩnh) làm châu Nghệ An và danh xưng Nghệ An có từ đó. Đây là mốc tỉnh Nghệ An chọn làm kỷ niệm "980 danh xưng Nghệ An". Tại thời điểm này, trên mảnh đất của Nghệ An (giống với hiện nay) vẫn có Diễn Châu đứng riêng làm một châu. Như vậy, có thể thấy rằng việc tỉnh Nghệ An chọn mốc 1030 làm kỷ niệm "980 danh xưng Nghệ An" chủ yếu theo tiêu chí danh xưng.

Tỉnh Thừa Thiên Huế chọn mốc 1306 để kỷ niệm "700 năm Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế" vào năm 2006 theo tiêu chí khởi tạo vùng đất "Thuận Hóa", khi nhà Lý gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân và vua Chế Mân dâng 2 châu: Châu Ô (bao gồm huyện Hải Lăng, Triệu Phong, thi xã Quảng Tri và một phần

đất thành phố Đông Hà hiện nay), châu Lý (tỉnh Thừa Thiên - Huế ngày nay) vào Đại Việt và sau đó đổi thành châu Thuận, châu Hóa…

Riêng về không gian lãnh thổ và địa giới hành chính phủ Quảng Bình năm 1604 (bao gồm Nam Bố Chính và Tân Bình cũ) không trùng khít với Quảng Bình ngày nay, chỉ đảm bảo tính toàn vẹn tương đối mà thôi (Không bao gồm Bắc Bố Chính là vùng chiến tranh, tranh chấp).

Trong lịch sử, địa giới hành chính chỉ là tương đối, luôn luôn được điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp, chia tách, sát nhập. Sự biến động là lẽ thường, không có thời điểm nào trùng khớp hoàn toàn tuyệt đối với thời điểm hiện nay, nhất là ở những vùng biên viễn. Điều này không ảnh hưởng đến việc xem xét không gian lãnh thổ và địa giới hành chính tỉnh Quảng Bình tại thời điểm 1604 có thiếu vắng vùng chiến tranh, tranh chấp Bắc Bố chính, mà trước đây đã từng thuộc trấn Tân Bình vào năm 1397 (bao gồm phần đất Quảng Bình ngày nay và một phần phía Bắc tỉnh Quảng Trị). Hơn nữa, năm 1604 là điểm khởi phát vùng đất mang tên Quảng Bình, lúc khởi phát tất nhiên không bao trùm hết diện tích ngày nay, nhưng bao giờ cũng vậy, từ khởi phát mới phát triển đến ngày nay. Thăng Long - Hà Nội, Nghệ An, nhiều tỉnh, thành phố khác và thành phố Đồng Hới cũng vậy.

Để cũng cố thêm cơ sở khoa học, ngày 05 tháng 12 năm 2011, Sở Khoa học và Công nghệ đã có công văn số 299/SKHCN gửi Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam về việc xin ý kiến về năm hình thành tỉnh Quảng Bình.

Ngày 10 tháng 12 năm 2011, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã có công văn phúc đáp số 131/HKHLS và đã thống nhất chọn mốc 1604 là năm hình thành tỉnh Quảng Bình.

Trên cơ sở kết quả của hội thảo khoa học (Báo cáo kết quả hội thảo khoa học "Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình" số 33/SKHCN ngày 20/2/2012 của Sở Khoa học và Công nghệ) và ý kiến của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (Công văn số 131/HKHLS ngày 10/12/2011 về việc xác định năm hình thành tỉnh Quảng Bình), Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu đề xuất UBND tỉnh, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét lựa chọn năm hình thành tỉnh Quảng Bình.

Theo đề nghị của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh (tại Công văn số 08/BCSĐ-UBND ngày 24/02/2012), Ban Thường vụ đã kết luận đồng ý về chủ trương trình HĐND tỉnh quyết định (Thông báo Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lần thứ 24 số 311-TB/TU ngày 27/3/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ).

Thực hiện chủ trương nói trên, ngày 21 tháng 6 năm 2012, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 688/TTr-UBND đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết công nhận năm hình thành tỉnh Quảng Bình là năm 1604, với những luận cứ khoa học sau:

- Danh xưng "Quảng Bình" thiêng liêng, tồn tại sâu thẳm trong tâm thức các thế hệ người Quảng Bình cho tới ngày nay bắt đầu hình thành từ năm 1604 khi chúa Nguyễn Hoàng đổi tên phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình.

- Phủ Quảng Bình (năm 1604) là đơn vị hành chính cấp tỉnh trực thuộc Trung ương của Quốc gia Đại Việt, là chủ thể có bộ máy, thiết chế và quyền năng hành chính được xác định rõ ràng.

- Là mốc có sự tương đồng bề dày lịch sử, văn hóa với các địa phương khác.

Trên cơ sở đề nghị của UBND tỉnh, ngày 11 tháng 7 năm 2012, HĐND tỉnh Quảng Bình khoá XVI, kỳ họp thứ 5, đã ban hành Nghị quyết số 41/NQ-HĐND công nhận năm hình thành tỉnh Quảng Bình là năm 1604.

Việc quyết định chọn mốc 1064 làm năm hình thành tỉnh Quảng Bình là có cơ sở khoa học và thực tiễn.

Long trọng tổ chức kỷ niệm 410 năm hình thành tỉnh Quảng Bình, chúng ta càng tự hào hơn khi nhìn sâu về quá khứ, cách đây 945 năm (năm 1069), vùng đất Quảng Bình từ chỗ biên địa phía Bắc của Quốc gia Chămpa (Chiêm Thành) đã thuộc về Quốc gia Đại Việt.